

# VẤN ĐỀ XUNG ĐỘT XÃ HỘI - THAM CHIẾU MỘT SỐ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU TỪ HƯỚNG TIẾP CẬN XÃ HỘI HỌC

ĐỖ VĂN QUÂN<sup>(\*)</sup>

Lịch sử phát triển của xã hội loài người cho thấy sự xuất hiện và tồn tại các hình thức đấu tranh giữa các nhóm, các lực lượng xã hội đối lập là tương đối phổ biến. Chẳng hạn, những tập hợp cộng đồng người hình thành một cách tự phát như dòng họ, tộc người, dân tộc, địa phương, quốc gia, giai cấp, hoặc được tổ chức một cách có ý thức như hội đoàn, phong trào, nhóm lợi ích... Xung đột xã hội có mức độ kịch liệt hơn tranh chấp, ganh đua, cạnh tranh hoà bình. Đặc biệt, xung đột xã hội có thể đạt tính chất kịch liệt đến mức độ phá mọi quy tắc, pháp luật như: bạo loạn, chiến tranh...

Xung đột xã hội là một chủ đề thuộc loại trung tâm của khoa học xã hội học đã được các tác giả kinh điển là Comte, Marx, Simmel khởi xướng vào cuối thế kỷ XIX (Lê Ngọc Hùng, 2010, tr.68). Những người đặt nền móng xây dựng chủ thuyết xung đột xã hội trong xã hội chính là Machievilli, Hobbers, Darwin, Marx và Engels. Xuất phát điểm của lý thuyết xung đột xã hội là học thuyết của Marx và Engels về mâu thuẫn xã hội, là sự đấu tranh giữa các mặt đối lập trong đời sống xã hội đã mở đầu cho sự triển

khai và phát triển lý thuyết xung đột xã hội theo hướng tiếp cận xã hội học.

Theo cách hiểu rộng, lý thuyết xung đột là mọi tiếp cận khoa học xã hội mà trong đó các hiện tượng xung đột xã hội mang một ý nghĩa trung tâm đối với việc giải thích các quan hệ xã hội và quá trình xã hội. Sự đồng thuận, hợp tác là tối thiểu ở đây. Xung đột xã hội là những tranh chấp giữa hai hay nhiều cá nhân, nhóm (tổ chức, quốc gia...). Xung đột xã hội cơ bản được phân chia thành xung đột quyền lợi và xung đột giá trị (Từ điển Xã hội học, 2002, tr.890).

Theo một quan niệm khác, xung đột xã hội được hiểu là tình huống hoặc quá trình xã hội mà trong đó tồn tại các mâu thuẫn về lợi ích giữa các cá nhân trong mỗi nhóm xã hội, giữa các nhóm xã hội và xã hội nói chung, thể hiện bằng sự đối lập, sự bất đồng, sự tranh chấp do khác nhau về nhận thức, thái độ, cảm xúc, nhu cầu, giá trị, mối quan tâm về nguồn lực tài nguyên-xã hội và đôi lúc được thể hiện bằng cả hành vi đụng độ, vũ trang (Phan Tân, 2013, tr.12).

---

<sup>(\*)</sup> TS., Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Thực tế cho thấy, vấn đề xung đột xã hội đã trở thành mối quan tâm của nhiều ngành khoa học xã hội, như: chính trị học, luật học, khoa học quản lý, tâm lý học, xã hội học... Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đặt ra mục tiêu so sánh tham chiếu lý thuyết xung đột xã hội với một số lý thuyết xã hội học khác trong phân tích giải thích vấn đề xung đột xã hội gắn với một số mô hình xung đột xã hội trong thực tiễn. Đồng thời, trên cơ sở phân tích, chúng tôi đưa ra một số kết luận, nhận định liên quan đến lý thuyết xung đột xã hội theo hướng tiếp cận của xã hội học.

### **I. Lý thuyết xung đột xã hội và một số lý thuyết khác trong xã hội học**

Lịch sử phát triển của xã hội học đã khẳng định mối quan hệ giữa lý thuyết xung đột xã hội với một số lý thuyết xã hội học truyền thống khác, như: thuyết chức năng cấu trúc, thuyết tương tác biểu trưng, thuyết hành vi... (Xem bảng 1). Trong xã hội học hiện đại, sự tồn tại mang tính đối lập nhau của những đánh giá về vai trò lịch sử của xung đột xã hội là một hiện thực đương nhiên và không thể phủ nhận. Chẳng hạn, thuyết chức năng coi xung đột xã hội là “bệnh hoạn” của một xã hội lành mạnh. Còn thuyết tương tác xã hội luôn nhấn mạnh trật tự xã hội hơn là xung đột xã hội, vì xung đột xã hội sẽ phá vỡ trật tự xã hội được duy trì bởi sự chia sẻ hiểu biết về hành vi của mỗi người trong xã hội. Trong khi đó, thuyết xung đột xã hội khẳng định xung đột xã hội có chức năng tăng cường tính thích ứng của tổ chức xã hội, chính là bảo đảm tính liên tục biến đổi và phát triển của xã hội. Cả ba lý thuyết đều thể hiện những ưu điểm và sự phiến diện, tuy nhiên điều quan trọng là chúng bổ sung, nương tựa lẫn nhau. Bởi vì, trong xã hội bao giờ cũng phải nhận thức và lý

giải đồng thời hai mặt: hiện tại và lịch sử. Mặt hiện tại có khả năng xem xét cấu trúc xã hội và mặt lịch sử thì nhấn mạnh vào việc xem xét quá trình xã hội. Hai trạng thái cân bằng và xung đột nằm trong cùng một quá trình, quan hệ biện chứng với nhau.

Nhìn nhận vai trò của xung đột đối với tiến bộ xã hội chính là điểm mà các nhà lý luận theo các trường phái khác nhau dễ “xung đột” với nhau nhất. Những người theo chủ nghĩa chức năng - cấu trúc, tương tác xã hội luôn nhấn mạnh đến trạng thái cân bằng của cơ cấu hơn là sự biến đổi của cơ cấu đó, sự thấu hiểu giữa các nhóm xã hội hơn là sự xung đột xã hội giữa các nhóm. Vì vậy, họ không thừa nhận xung đột, coi xung đột là sự rối loạn chức năng, phá vỡ sự ổn định, thấu hiểu và liên kết cộng đồng, nghĩa là tiêu cực. Ngược lại, thuyết xung đột đánh giá cao vai trò của xung đột, coi xung đột là người bạn đồng hành, khách quan và tất yếu của đời sống xã hội. Xung đột xã hội đóng vai trò tích cực, là đòn bẩy thúc đẩy, hoặc giúp sửa chữa những thiếu sót và khẳng định những thay đổi có tính tiến bộ. Đặc biệt, trong bối cảnh một xã hội ổn định, xung đột xã hội cũng có những vai trò tích cực đối với sự phát triển của xã hội. Cụ thể là xung đột xã hội có vai trò cảnh báo xã hội, buộc các nhà cầm quyền phải chú ý và khắc phục những bất ổn xã hội vốn được cảnh báo, dự báo sớm. Và ngay trong trạng thái xã hội ổn định, xung đột không những không phá vỡ cộng đồng, mà ngược lại làm tăng sự cố kết để ứng phó có hiệu quả hơn với những bất ổn, rủi ro trong xã hội. Đồng thời, về mặt tâm lý xã hội, xung đột xã hội góp phần giải tỏa, không để tích tụ sự căng thẳng thái quá.

**Bảng 1: So sánh thuyết xung đột với một số lý thuyết khác trong nghiên cứu xã hội học (Tô Duy Hợp, 2007)**

| Các lý thuyết xã hội học           | Thuyết xung đột                                                | Thuyết chức năng                                                     | Thuyết tương tác                                                                                |
|------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. Quan niệm về xã hội             | Cạnh tranh, đấu tranh giữa các nhóm                            | Ổn định, tích hợp cao độ                                             | Ảnh hưởng và tác động mạnh tới tương tác xã hội hàng ngày                                       |
| 2. Cấp độ phân tích được nhấn mạnh | Phân tích xã hội học vĩ mô đối với các khuôn mẫu lớn           | Phân tích xã hội học vĩ mô đối với các khuôn mẫu lớn                 | Phân tích xã hội học vi mô những phương thức thấu hiểu các hiện tượng rộng lớn                  |
| 3. Quan niệm về cá nhân            | Con người được xếp đặt theo quyền lực, cưỡng chế và ủy quyền   | Con người được xã hội hóa để thực hiện các chức năng xã hội          | Con người nhào nặn các biểu tượng và sáng tạo thể giới và xã hội của họ thông qua các tương tác |
| 4. Quan niệm về trật tự xã hội     | Trật tự xã hội được duy trì thông qua sức mạnh và sự cưỡng chế | Trật tự xã hội được duy trì thông qua hợp tác và đồng tình           | Trật tự xã hội được duy trì bởi sự chia sẻ hiểu biết về hành vi của mỗi người                   |
| 5. Quan niệm về biến đổi xã hội    | Biến đổi xã hội luôn diễn ra và có thể đưa lại hệ quả tích cực | Dự báo được, có thể tăng cường                                       | Biến đổi xã hội được thể hiện trong các địa vị và sự giao tiếp của mỗi người với người khác     |
| 6. Các khái niệm chủ chốt          | Cạnh tranh lợi ích, bất bình đẳng xã hội, chinh phục các nhóm  | Tính ổn định, chức năng biểu hiện, chức năng ẩn tàng, phân chức năng | Biểu tượng nhóm nhỏ, giao tiếp không lời                                                        |
| 7. Các tác giả                     | Marx, Wright Mills, Dahrendorf,...                             | Durkheim, Parsons, Merton, Luhmann,...                               | Mead, Cooley, Goffman,...                                                                       |

**Bảng 2: So sánh hai mô hình biến đổi xã hội (Lê Ngọc Hùng, 2010)**

| Các mô hình               | Mô hình thống nhất                                                                 | Mô hình mâu thuẫn/xung đột                                                                                   |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cách tổ chức              | Xã hội là một sự sắp xếp tương đối ổn định các bộ phận                             | Xã hội là một cấu trúc các mối quan hệ của các nhóm đối lập nhau, lúc nào cũng nằm trong trạng thái biến đổi |
| Trạng thái                | Xã hội luôn trong trạng thái ổn định của một sự sắp xếp khá thống nhất các bộ phận | Xã hội luôn trong trạng thái mâu thuẫn, biến đổi các mối quan hệ của các nhóm đối lập                        |
| Chức năng của các bộ phận | Mỗi yếu tố của xã hội đều góp phần vào hoạt động của xã hội                        | Mỗi yếu tố của xã hội đều góp phần vào sự biến đổi của xã hội                                                |
| Cơ sở của xã hội          | Xã hội dựa trên sự đồng thuận của các thành viên của nó                            | Xã hội dựa trên sự xung đột của thành viên này với thành viên khác                                           |

## II. Một số mô hình phân tích xã hội học về xung đột xã hội

### 1. Hai mô hình phân tích về sự biến đổi xã hội

Có thể nói khoa học xã hội học tiếp cận đời sống xã hội bằng nhiều lý thuyết khác nhau, nhưng chung quy lại ở hai mô hình về sự biến đổi xã hội: *Mô hình thống nhất* và *mô hình mâu thuẫn/xung đột xã hội* (Xem bảng 2). Theo Lê Ngọc Hùng, đây là hai mô hình phản ánh hai mặt quan hệ biện chứng của sự thống nhất và xung đột của xã hội mà hiện nay vẫn chưa có một lý thuyết tổng quát nào có thể khái quát được một chỉnh thể xã hội phức tạp như vậy. Sự thống nhất và xung đột là những giai đoạn có tính chất chu kỳ của quá trình tồn tại, vận động và phát triển của xã hội (Lê Ngọc Hùng, 2010, tr.71).

### 2. Mô hình hướng vào tìm nguồn gốc của xung đột xã hội trong cấu trúc xã hội

Một trong những khuynh hướng nghiên cứu xung đột theo cách tiếp cận của xã hội học trên thế giới hiện nay chính là tìm nguồn gốc của xung đột xã hội trong cấu trúc xã hội.

Theo Lê Ngọc Hùng: Bất kỳ ở đâu có những con người sống cùng nhau và đặt ra những nền móng cho các hình thức của tổ chức xã hội thì ở đó có những vị trí mà người nắm giữ chúng có quyền lực chỉ huy, thống trị trong những tình huống nhất định đối với những vị trí nhất định (Lê Ngọc Hùng, 2010, tr.73). Cũng theo Lê Ngọc Hùng, Dahrendorf là nhà xã hội học tiên phong trong việc tiếp cận xung đột xã hội trong cấu trúc xã hội và cho rằng không nên đàn áp xung đột xã hội mà cần điều khiển xung đột xã hội. Thực tế Dahrendorf đã xây dựng bằng chứng thực nghiệm lý thuyết xung đột xã hội từ cấu trúc xã hội thông

qua việc sử dụng và thao tác hóa khái niệm (nhóm phối hợp bắt buộc). Theo đó, nhóm phối hợp bắt buộc bao gồm các nhóm, tổ chức thuộc các cấp độ từ vĩ mô đến vi mô, ví dụ giai cấp, nhà nước, dân tộc, doanh nghiệp, câu lạc bộ, nhà trường, nhà thờ, gia đình...

Theo Dahrendorf, thật khó có thể giải thích loại xung đột từ bên ngoài từ góc độ phương pháp tiếp cận cấu trúc, bởi vì cách tiếp cận này đòi hỏi phải xem xét xung đột xã hội trong một hệ thống cấu trúc. Chẳng hạn, một cộng đồng xã hội A có xung đột xã hội với một cộng đồng xã hội B thì từ cấu trúc luận, hai cộng đồng xã hội này cần phải được xem xét trong một hệ thống hay trong một mối quan hệ cấu trúc với hai bộ phận cấu thành là A và B. Điều đó có nghĩa là cả A và B phải nằm trong một hệ thống hay một cấu trúc nhất định nào đó (C). Khi đó, theo thuyết cấu trúc, xung đột giữa cộng đồng A và cộng đồng B thực ra lại thuộc loại xung đột bên trong của cấu trúc C. Theo Dahrendorf, cách tiếp cận cấu trúc về xung đột xã hội dẫn đến hai điều quan trọng sau đây: *Một là* xung đột xã hội xảy ra trong những xã hội cụ thể và trong những điều kiện nhất định; *Hai là*, xung đột xã hội có thể được xem như là biểu hiện của các đặc điểm cấu trúc của các xã hội hay của các xã hội trong cùng một giai đoạn phát triển. Điều này có nghĩa là, lý thuyết về xung đột giữa các dân tộc thiểu số hay giữa các tôn giáo cũng quan trọng và cần thiết như lý thuyết về xung đột giai cấp (Lê Ngọc Hùng, 2013, tr.213-214).

### 3. Mô hình nghiên cứu xung đột xã hội trong tổ chức kinh tế (Vấn đề xung đột trong doanh nghiệp)

Theo quan điểm của Dahrendorf, doanh nghiệp công nghiệp chính là “nhóm phối hợp bắt buộc”, trong đó có vị trí thống trị và vị trí bị lệ thuộc, tức người quản lý và công nhân. Quyền uy của người quản lý được thiết chế hóa và hợp thức hóa, được đảm bảo bởi các trừng phạt pháp lý, như phạt trừ lương, sa thải... Điều này dẫn đến những mâu thuẫn thường xuyên giữa người quản lý và công nhân và những mâu thuẫn này không tránh khỏi về mặt cấu trúc. Từ đó, rất có khả năng trong doanh nghiệp sẽ xuất hiện các nhóm lợi ích một khi các điều kiện của tổ chức xuất hiện, như giao tiếp và tự do nhóm họp, đặc biệt là sự xuất hiện các thủ lĩnh và hệ tư tưởng. Các nhóm lợi ích có thể xuất hiện ở đây là hiệp hội giới chủ và công đoàn. Xung đột giữa các nhóm lợi ích này diễn ra dưới những hình thức, mức độ và chiều hướng khác nhau, thông qua thỏa thuận hoặc đình công, có thể dẫn đến những thay đổi trong cấu trúc của các tổ chức và trong vị trí của các nhóm có liên quan. Theo nhận định của chính Dahrendorf thì phát hiện này không có gì mới so với Marx, tuy nhiên lý thuyết xung đột xã hội nhìn từ cấu trúc xã hội có thể xem xét xung đột xã hội trong doanh nghiệp công nghiệp mà không phụ thuộc vào việc những người quản lý là ai hay đại diện cho ai và kể cả khi một hệ thống đầy đủ các quy định được thực hiện thì vẫn không triệt tiêu được xung đột xã hội (Lê Ngọc Hùng, 2010, tr.78).

Một tình huống đặt ra ở đây là, liệu xung đột xã hội có biến mất khi công nhân tham gia quản lý, trở thành cổ đông và cùng ra quyết định trong doanh nghiệp công nghiệp? (Chẳng hạn, việc gia tăng tình trạng đình công, lãn công

của công nhân trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam hiện nay). Trong trường hợp này lý thuyết xung đột xã hội của Dahrendorf cho biết, việc công nhân trở thành người quản lý hay cùng quản lý không thay đổi mối quan hệ cấu trúc gồm những người ra lệnh và những người phục tùng trong nhóm phối hợp bắt buộc, do vậy xung đột xã hội vẫn diễn ra. Thậm chí, Dahrendorf còn cho rằng việc cùng ra quyết định không chỉ là một công cụ vô ích trong việc điều tiết xung đột xã hội trong lĩnh vực công nghiệp mà còn có nguy cơ làm sâu sắc thêm xung đột xã hội. Bởi ông cho rằng, những công nhân tham gia quản lý thực chất là những người đại diện cho công nhân, chứ không phải toàn bộ công nhân. Những người này tạo thành nhóm trung gian có thể gây tắc nghẽn, ngăn cản mối quan hệ trực tiếp giữa giới chủ và giới công nhân. Do vị trí đại diện cho nhóm công nhân cùng quản lý này mà xung đột xã hội vốn có trong tổ chức doanh nghiệp công nghiệp có nguy cơ bộc lộ dưới những hình thức mới, khó kiểm soát, thậm chí là hình thức cực đoan (Lê Ngọc Hùng, 2010, tr.78).

Mặc dù còn quá ngắn gọn, sơ sài, tuy nhiên chúng tôi cho rằng đây là một gợi ý rất quan trọng cho việc hướng đến các nghiên cứu nhằm tìm ra bằng chứng thực nghiệm về xung đột xã hội trong môi trường doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

#### *4. Mô hình nghiên cứu xung đột xã hội trong tổ chức chính trị (Vấn đề xung đột và biến đổi của nhà nước toàn trị)*

Theo Dahrendorf, xã hội có nhà nước toàn trị cũng là một loại hình thuộc “nhóm phối hợp bắt buộc”. Ở đó có

các công dân bình thường và những người nắm giữ các vị trí chỉ huy. Lý thuyết xung đột xã hội cho biết, trong xã hội toàn trị có xung đột chính trị vì đó là sự kiện cấu trúc của xã hội đó. Nhưng vấn đề là nhà nước toàn trị luôn trấn áp sự đối lập, tức là trấn áp xung đột xã hội. Câu hỏi được đặt ra đối với lý thuyết xung đột xã hội là, trong điều kiện như vậy, bằng cách nào mà xung đột xã hội bộc lộ công khai? (Lê Ngọc Hùng, 2013, tr.232). Trong xã hội toàn trị thì cường độ xung đột xã hội phụ thuộc vào mức độ cơ động xã hội và sự hiện diện của các cơ chế điều tiết xung đột xã hội. Cả hai yếu tố này đều được kiểm soát trong xã hội toàn trị. Lý thuyết xung đột xã hội cho rằng, trong điều kiện của sự biến đổi cấu trúc xã hội, các xung đột chính trị trong xã hội toàn trị có xu hướng nhằm vào sự thay thế tầng lớp chỉ huy/lãnh đạo cao cấp. Yếu tố quy định khả năng hiện thực hóa sự biến đổi căn bản như vậy là sự kháng cự của những người chỉ huy đối với áp lực phải thay đổi. Sự kháng cự đó sẽ tăng lên cùng với mức tăng áp lực nhưng sau đó sẽ nhường đường cho sự hóa giải nhanh chóng và do vậy mà thúc đẩy sự biến đổi xã hội.

Một vấn đề khác trong nhà nước toàn trị là thiếu điều kiện để hình thành các nhóm lợi ích đối lập, tức là thiếu các điều kiện về tự do chính trị để các nhóm lợi ích kết hội (Lê Ngọc Hùng, 2013, tr.233). Nhưng điều đó không có nghĩa là không có nguy cơ xuất hiện các điều kiện cho việc tổ chức các nhóm xung đột tiềm ẩn. Thực tế ở Liên Xô và Đông Âu cách đây hơn 20 năm và hiện nay là ở các quốc gia thuộc Bắc Phi, Trung Đông cho thấy, sự biến đổi sâu sắc trong cấu trúc xã hội ở những xã hội

này đều bắt nguồn từ xung đột của các nhóm lợi ích công khai đấu tranh với nhau mà những nhóm này lại nảy sinh từ chính các nhóm lợi ích tiềm ẩn trong cấu trúc quyền uy của các nhóm phối hợp bắt buộc ở những xã hội đó.

### III. Một số nhận định và vấn đề đặt ra

1. Xung đột xã hội là một trong những hình thức cơ bản của sự biến đổi xã hội. Xung đột xã hội có thể xảy ra giữa cá nhân với cá nhân (khi cá nhân đó là đại diện cho một lực lượng xã hội nhất định), giữa nhóm này với nhóm khác, giữa giai cấp này với giai cấp khác, giữa quốc gia này với quốc gia khác... Theo đó, suy cho cùng chủ thể của xung đột xã hội chính là các nhóm xã hội. Mâu thuẫn là nguyên nhân sâu xa và trực tiếp của xung đột, xung đột là sự thể hiện mâu thuẫn ở trạng thái cực trị. Trạng thái đó được biểu hiện dưới các hành vi đụng độ hữu hình trên thực tế. Xung đột xã hội phát sinh và được đẩy lên đỉnh điểm không chỉ do ý thức của các chủ thể, mà còn có vai trò to lớn của các xung đột vô thức hoặc có ý thức từ bên ngoài.

2. Khi tiếp cận xung đột xã hội, các nhà xã hội học nhìn nhận quá trình xung đột xã hội trên bốn dạng của mối liên hệ mật thiết và tác động qua lại: *tranh đua, xung đột, thích nghi và đồng hóa*. Các cuộc xung đột xã hội chiếm giữ vị trí trung tâm trong số các dạng trên. Mục đích của tiếp cận xã hội học là góp phần biến các xung đột xã hội thành hợp tác, làm dung hòa các mối quan hệ giữa những nhóm xã hội khác nhau (Võ Khánh Vinh, 2009, tr.44).

3. Nghiên cứu xung đột xã hội là nghiên cứu các mối quan hệ xã hội của xung đột xã hội. Vì xung đột xã hội là

biểu hiện mối quan hệ xã hội giữa các chủ thể khi giải quyết quan hệ lợi ích mâu thuẫn nhau (Phan Tân, 2013, tr.12). Cách đặt vấn đề xung đột xã hội từ góc độ tiếp cận cấu trúc xã hội đang trở thành một khuynh hướng cơ bản trong tiếp cận xã hội học về xung đột xã hội. Nhiệm vụ của xã hội học nói chung và lý thuyết xã hội học hiện đại nói riêng về xung đột xã hội là phải chỉ ra được cấu trúc xã hội nào gây ra xung đột xã hội để mỗi khi xuất hiện loại cấu trúc như vậy có thể dự báo được loại xung đột xã hội tương ứng sẽ xảy ra (Lê Ngọc Hùng, 2013, tr.124).

4. Các kết luận/luận điểm bàn đến xung đột xã hội theo cách tiếp cận xã hội học đều có khuynh hướng nhấn mạnh dựa trên bằng chứng thực nghiệm hoặc các mô hình phân tích trong thực tế (kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo...). Xung đột xã hội theo cách tiếp cận xã hội học là nhấn mạnh ở khía cạnh *hành động xã hội* chứ không phải mang tính *xu hướng vận động hay hành vi*. Theo tiếp cận xã hội học thì xung đột xã hội quy định hàng loạt những hành động xã hội đặc thù nhằm giải quyết nó - dẫn đến hiện tượng phân phối, tái cấu trúc lại và tạo nên quá trình thống nhất mới.

5. Xung đột xã hội, theo cách tiếp cận của xã hội học, không nhất thiết là biểu hiện của mâu thuẫn và bắt nguồn từ mâu thuẫn mặc dù điều này hết sức cơ bản. Nó có thể mang tính chất tất yếu, dai dẳng, nhưng cũng có thể mang tính ngẫu nhiên, thoáng qua. Có nhiều lý thuyết xã hội học khác nhau cùng giải thích hiện tượng xung đột xã hội. Điều này cho thấy mối quan hệ chặt chẽ, nương tựa lẫn nhau giữa lý thuyết xung đột với các lý thuyết xã hội học

truyền thống khác. Xung đột xã hội theo cách tiếp cận xã hội học thường được biểu thị trong thực tiễn qua ba mức độ khác nhau của phản ứng: 1) bày tỏ thái độ phản đối bằng ngôn ngữ; 2) thể hiện sự phản ứng bằng hành động phi bạo lực; 3) chủ động trấn áp bằng cách sử dụng bạo lực.

6. Nguồn gốc của xung đột xã hội, theo cách lý giải của xã hội học, là ở vô số những quyền lợi, giá trị đặc thù. Trong đó con người thường phải mang cả mạng sống ra đánh cược cho nên cuộc đấu tranh sẽ cực kỳ tàn bạo và khốc liệt. Tuy nhiên, phần lớn các nhà xã hội học theo quan điểm xung đột xã hội đương đại cho rằng không được đàn áp, dù xung đột xã hội có tàn bạo và khốc liệt đến đâu. Bởi nếu đàn áp sẽ chỉ làm cho tình trạng xung đột trở thành "bệnh di căn, nó sẽ đầu độc toàn bộ cơ thể xã hội". Từ đó các nhà xã hội học đi đến kết luận: *cần phải điều khiển chứ không phải là đàn áp xung đột xã hội*. Bởi điều khiển cho phép, *thứ nhất*, kiểm soát ngay cả những xung đột nhạy cảm nhất và *thứ hai*, chuyển lực lượng phá hoại của xung đột thành lực lượng sáng tạo, biến xung đột thành lực lượng phục vụ xã hội. Muốn điều khiển phải thực hiện một loạt điều kiện. Chẳng hạn, tất cả mọi người tham gia đều phải công nhận rằng xung đột xã hội là những hiện tượng tất yếu. Và hơn thế, còn là những hiện tượng có thể biện minh được và hữu ích nữa. Chính vì vậy, những người không chấp nhận xung đột xã hội, coi xung đột xã hội là những lệch lạc bệnh hoạn, sẽ không thể điều khiển được xung đột. Tuy nhiên, chấp nhận tính tất yếu của xung đột không thôi chưa đủ. Cần phải nhìn nhận được nguyên lý sáng tạo, hữu ích của xung đột. Nghĩa là khi can

thiệp, chúng ta chỉ được quyền điều khiển những biểu hiện của xung đột chứ không được tìm cách loại bỏ các nguyên nhân đưa tới xung đột. Nguyên nhân của xung đột - khác với những biểu hiện cụ thể của nó - không thể nào loại trừ được. Cho nên điều khiển xung đột là tìm ra những hình thức biểu hiện của nó và chuyển nó sang những hình thức biểu hiện khác. Kết quả là xung đột đã được chuyển sang những kênh khác/những hình thức khác.

7. Trong khuôn khổ tiếp cận xã hội học có nhiều lý thuyết bàn đến vấn đề xung đột xã hội, tuy nhiên dù theo thuyết nào thì người ta cũng phải thừa nhận: Về khía cạnh xã hội học, xung đột xã hội thường là tập hợp những hành vi lệch chuẩn, vượt quá khuôn khổ của pháp luật, luôn chứa đựng nguy cơ đe dọa sự ổn định xã hội và an ninh trật tự. Do đó, xung đột nói chung nằm ngoài mong đợi của các nhà nước-chủ thể luôn tìm cách làm cho xã hội ổn định. Theo quan điểm xã hội học mácxít, không phải xung đột nào cũng được xem là động lực của sự tiến bộ và cũng phải thừa nhận rằng, bản thân xung đột ở một khía cạnh nào đó tạo ra một số tác động tích cực, đặc biệt là sự cảnh báo xã hội một cách nghiêm khắc, tạo áp lực cần giải quyết những vấn đề còn tồn đọng (bất bình đẳng, thiếu dân chủ, năng lực, đạo đức yếu kém của đội ngũ cán bộ...). Tuy nhiên, nhìn nhận những tác động tích cực của xung đột không có nghĩa là khuyến khích xung đột, mà ngược lại, cần phải tìm cách xử lý mâu thuẫn một cách hợp lý bằng con đường phi xung đột. Làm được như vậy, một mặt phát huy được vai trò của xung đột, mặt khác hạn chế được những hậu quả xấu mà nó có thể mang lại.

Những phân tích trên đây cho thấy tính đặc thù của xung đột xã hội nhìn từ phương diện tiếp cận xã hội học. Đặc biệt là khả năng tổng tích hợp lý thuyết xung đột xã hội nhìn từ hướng tiếp cận xã hội học; cũng như khả năng điều khiển, quản lý, kiểm soát và điều chỉnh xung đột xã hội. Như vậy, tiếp cận xã hội học về xung đột xã hội sẽ giúp chúng ta có thể hiểu và giải thích được bản chất của xã hội mà chúng ta đang sống. Xung đột xã hội luôn bắt nguồn từ những mâu thuẫn và có thể được hạn chế hoặc điều chỉnh trong khuôn khổ một trật tự xã hội nhất định □

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tô Duy Hợp (2007), *Kinh trọng: Một quan điểm lý thuyết trong nghiên cứu triết học và xã hội học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
2. Lê Ngọc Hùng (2010), *Nghiên cứu có tính phê phán một số lý thuyết xã hội học hiện đại ở Phương Tây*, Đề tài cấp cơ sở, Viện Xã hội học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Lê Ngọc Hùng (2013), *Lý thuyết xã hội học hiện đại*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
4. G. Endruweit, G. Trommsdorff (2002), *Từ điển xã hội học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
5. Phan Tân (2013), *Xung đột xã hội: Từ lý luận đến thực tiễn nông thôn Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Võ Khánh Vinh (2009), “Bước đầu tìm hiểu những vấn đề lịch sử về xung đột xã hội”, *Tạp chí Triết học*, số 5.